TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 04/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Đỗ Thanh Xuân.
Các Hội thẩm quân nhân:
2// Nguyễn Minh Hải;
1// Nguyễn Ngọc Phương.

Thư ký phiên tòa: 2/ Ngô Anh Dũng, Thư ký Toà án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội tham gia phiên tòa: 2// Phạm Nhật Long - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Kiều Cao C; tên gọi khác: Không; sinh ngày 11/7/1989 tại A2; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn 2, xã A, huyện A1, TP A2; số CCCD: 001089002xxx, cấp ngày 24/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Cao C1 và bà Khuất Thị C2 có vợ là Kiều Thị C3 và 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; bị tạm giữ từ ngày 13/12/2024 đến ngày 17/12/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Kiều Cao V; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/01/1989 tại A2; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn 1, xã A, huyện A1, TP A2; số CCCD: 001089040xxx, cấp ngày 12/7/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Cao V1 và bà Kiều Thị V2; có vợ là Khuất Thị V3 và 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần

nào; tạm giữ từ ngày 13/12/2024 đến ngày 17/12/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Khuất Thanh S; tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/5/1987 tại A2; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn 2, xã A, huyện A1, TP A2; số CCCD: 001087045xxx, cấp ngày 27/4/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khuất Văn S1 (đã chết) và bà Kiều Thị S2; có vợ là Nguyễn Thị S3 và 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; tạm giữ từ ngày 13/12/2024 đến ngày 17/12/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Đức H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/9/1980 tại A2; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn 2, xã A, huyện A1, TP A2; số CCCD: 001080016xxx, cấp ngày 10/7/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H1 và bà Vũ Thị H2; có vợ là An Thị H3 và 03 con (02 con lớn đã trưởng thành, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; tạm giữ từ ngày 13/12/2024 đến ngày 17/12/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Vũ Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/10/1975 tại A2; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn 4, xã A, huyện A1, TP A2; số CCCD: 001075027xxx, cấp ngày 04/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Thiếu tá (QNCN), Điều dưỡng, Khoa X, Bệnh viện X1, Tổng cục X2; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1 và bà Kiều Thị T2; có vợ là Lê Thị T3 và 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; tạm giữ từ ngày 13/12/2024 đến ngày 21/12/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Khuất Văn Q; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 12/12/2024, Kiều Cao C và Kiều Cao V đi bộ đến quán Bi-a (địa chỉ: Thôn 5, xã A, huyện A1, TP A2) do V, C làm chủ để duy trì hoạt động của quán. Khoảng 15 giờ 30 phút đến 16 giờ cùng ngày, Khuất Thanh S và Nguyễn

Đức H lần lượt đến quán ngồi chơi. Trong lúc ngồi nói chuyện, V rủ H và S đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức chơi "Liêng"; S, H đồng ý. C chuẩn bị 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài để các đối tượng đánh bạc. Để tránh bị phát hiện, C quy định việc đổi tiền mặt Việt Nam đồng tương ứng với các quân cờ tướng để các bị cáo sử dụng khi đánh bạc; cụ thể đổi 50.000 đồng/01 quân cờ tướng, tương ứng với mỗi bộ cờ tướng 32 quân là 1.600.000 đồng. Sau khi kết thúc việc đánh bạc, V, S, H sẽ gặp C để đổi quân cờ thành tiền mặt. Ngoài ra, C quy định mỗi người tham gia đánh bạc tại quán phải nộp cho C 02 hai quân cờ tương ứng 100.000 đồng; trường hợp trong ván chơi ai thắng bằng bài "Sáp" phải nộp cho C 03 quân cờ tương ứng với 150.000 đồng, thắng bằng bài "Liêng đồng chất" thì phải nộp lại cho C 02 quân cờ tương ứng với 100.000 đồng.

Trước khi vào chơi, V mua của C 01 bộ gồm 32 quân cờ, tương ứng với 1.600.000 đồng; S mua của C 02 bộ gồm 64 quân cờ, tương ứng với 3.200.000 đồng; H mua của C 01 bộ gồm 32 quân cờ, tương ứng với 1.600.000 đồng. Sau khi mua xong, V, S, H mỗi người nộp cho C 02 quân cờ, tổng cộng C đã thu được 06 quân cờ tương ứng với 300.000 đồng; tuy nhiên, C chưa nhận được tiền của bị cáo nào trên thực tế. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, V, S và H cùng nhau bắt đầu chơi "Liêng" được thua bằng tiền. Các bị cáo V, S, H cùng thống nhất cách chơi "Liêng" như sau:

Sử dụng bộ tú lơ khơ 52 quân bài, mỗi quân bài sẽ gồm phần số và phần chất, độ to nhỏ giữa các quân bài sẽ được tính bằng việc so sánh phần chất, phần số của các quân bài. Trước khi chia bài, mỗi bị cáo bỏ ra 01 quân cờ tướng tương ứng số tiền 50.000 đồng ra giữa xới làm tiền đặt cược để chơi ván đó. Sau đó, người làm chương là người thắng ván liền trước đó sẽ chia đủ 03 quân bài cho mỗi người tham gia chơi theo chiều ngược của kim đồng hồ. Khi đã xem bài xong, người chơi sẽ bắt đầu đặt cược với thứ tự ngược chiều kim đồng hồ, bắt đầu từ người chia bài. Cách chơi cụ thể như sau:

"Mậu tẩy": Là thuật ngữ dùng chỉ người chiến thắng trong ván trước đó (người làm chương). "Úp bỏ": Sử dụng khi có bài xấu và đang không muốn tiếp tục chơi ván bài này; "Theo": Là trường hợp người chơi đồng ý bỏ ra số tiền đặt cược bằng với mức người chơi trước đó đã đặt và tiếp tục cuộc chơi; "Tố": Khi người chơi đánh cược số tiền cao hơn so với người đặt cược trước đó; "Tố tất": Là người chơi đồng ý đặt cược tối đa. Các bị can quy định chỉ được tố 01 quân cờ hoặc "úp bỏ" (Trường hợp "mậu tẩy" mà úp bỏ thì người kế tiếp chỉ được phép tố 01 quân cờ); mức đặt cược tối đa trong mỗi ván là 06 quân cờ tướng (tương đương 300.000 đồng).

Cách tính điểm trong "Liêng": "Sáp" là 03 (ba) quân bài có cùng giá trị; "Liêng" là 03 quân bài liên tiếp với nhau không cùng chất; "Liêng đồng chất" là

03 quân bài liên tiếp với nhau và cùng chất (trường hợp đặc biệt của "Liêng"); "Đĩ" là 03 quân bài có đầu là J, Q, K nhưng không phải "Liêng", "Sáp".

Nếu không nằm trong các trường hợp đặc biệt trên, thì tính tổng cộng điểm trên 03 quân bài lại với nhau. Trong đó, 2 đến 9 sẽ được tính theo số điểm bằng giá trị của các quân bài tương ứng. Còn Át là 1 điểm và 10, J, Q, K là 0 điểm. Thứ tự cách tính điểm từ cao nhất đến thấp nhất là: Sáp > Liêng > Đĩ > 9 > 8 > 7 >...> 2 > 1 > 0. Bên cạnh đó, người không úp bài và có điểm cao nhất là người chiến thắng. Ngoài ra, quy ước cùng điểm thì so đến chất với thứ tự từ cao đến thấp (Rô > Cơ > Tép > Bích), nếu cùng chất trong bài với nhau thì tiếp tục so phần số của chất trùng nhau theo thứ từ (Át > K > Q > J >...> 3> 2) ai có quân bài to hơn thì người đó chiến thắng. Người chiến thắng mà có bài là "Sáp" thì tất cả người chơi còn lại phải nộp cho người đó 06 quân cờ tướng (tương ứng số tiền 300.000 đồng), nếu người chiến thắng đó có bài "Liêng đồng chất" thì mọi người nộp cho người đó 03 quân cờ tướng (tương ứng số tiền là 150.000 đồng). Tỉ lệ cược gà là 01 quân cờ tương ứng 50.000 đồng, mỗi lần tố tối đa là 06 quân cờ tương đương 300.000 đồng.

Trong quá trình chơi, khi thua hết số quân cờ đã mua ban đầu V mua thêm 01 bộ quân cờ tướng gồm 32 quân cờ tương ứng với 1.600.000 đồng, S mua thêm 02 bộ quân cờ tướng gồm 64 quân cờ tương ứng với 3.200.000 đồng, H mua thêm 02 bộ quân cờ tướng gồm 64 quân cờ tương ứng với 3.200.000 đồng. Đến khoảng hơn 17 giờ, Vũ Văn T đến quán Bi-a của C. T thấy nhóm V, H, S đang đánh bạc liền đứng xem. C hỏi T: "có muốn tham gia đánh bạc không?", T đồng ý. T mua của C 01 bộ quân cờ tướng gồm 32 quân cờ tương ứng với 1.600.000 đồng, sau đó nộp lại cho C 02 quân cờ tương ứng với 100.000 đồng, rồi cùng H, V, S tham gia đánh bạc. Đến 17 giờ 45 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện A1, TP A2 kiểm tra hành chính phát hiện, lập biên bản và thu giữ trên chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài, 320 quân cờ tướng. Tại trụ sở Công an huyện A1, Bị cáo V khai nhận sử dụng 64 quân cờ tướng tương ứng số tiền quy đổi là 3.200.000 đồng; bị cáo S khai nhận sử dụng 128 quân cờ tướng tương ứng số tiền quy đổi là 6.400.000 đồng, bị cáo H khai nhận sử dụng 96 quân cờ tướng tương ứng số tiền quy đổi là 4.800.000 đồng, bị cáo T khai nhận sử dụng 32 quân cờ tướng tương ứng số tiền quy đổi là 1.600.000 đồng để tham gia đánh bạc. Tổng số quân cờ tướng các bị cáo sử dụng để tham gia đánh bạc là 320 quân, tương ứng tổng số tiền quy đổi là 16.000.000 đồng. Tất cả các bị cáo đều ứng trước số quân cờ để chơi, chưa thanh toán tiền cho C. Khi bị phát hiện, C đã thu được tổng số 08 quân cờ tướng tương ứng với số tiền 400.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo tại tòa phù hợp với nội dung, diễn biến của vụ án nêu trên.

Người làm chứng Khuất Văn Q trong quá trình điều tra: Khoảng 17 giờ ngày 12/12/2024, anh Q ra quan Bi-a của Kiều Cao C chơi và chứng kiến Kiều

Cao V cùng với Khuất Thanh S, Nguyễn Đức H đang đánh bạc dưới hình thức đánh "Liêng", sử dụng quân cờ để thay tiền mặt; sau đó, khoảng 17 giờ 30 phút có Vũ Văn T vào tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 17 giờ 45 phút, lực lượng Công an huyện A1 ập vào lập biên bản và đưa tất cả về trụ sở làm việc.

Biên bản kiểm tra hành chính do Cơ quan Công an huyện A1, TP A2 lập ngày 12/12/2024, thể hiện: Vào hồi 17 giờ 45 phút ngày 12/12/2024, tổ công tác tiến hành kiểm tra và phát hiện tại phòng cạnh khu chơi Bi-a có Kiều Cao V; Nguyễn Đức H; Vũ Văn T và Khuất Thanh S đang ngồi chơi đánh bài với hình thức chơi "Liêng" bên cạnh có nhiều quân cờ tướng.

Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường do Cơ quan điều tra hình sự khu vực, Tổng cục X2 lập ngày 30/12/2024, xác định: Vị trí số (01), (02), (03) (04) là các chiếc ghế tựa bằng nhựa, màu đỏ, nhãn hiệu Việt Nhật plastic, đồng thời là vị trí ngồi đánh bạc của Vũ Văn T, Kiều Cao V, Nguyễn Đức H, Khuất Thanh S; vị trí số (05) là vị trí chiếc bàn đá hình chữ nhật màu vàng.

Các biên bản nhận dạng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A1, TP A2 lập ngày 12/12/2024, thể hiện: Các bị cáo đều nhận ra những người đã tham gia đánh bạc cùng mình bằng hình thức chơi "Liêng" được thua bằng tiền vào ngày 12/12/2024 tại Thôn 5, A, A1, A2.

Cáo trạng số 138/CT-VKVTĐ ngày 28/02/2025, Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội truy tố các bị cáo: Kiều Cao C, Kiều Cao V, Khuất Thanh S, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T về tội: "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Quyết định truy tố đối với cả 05 bị cáo về tội: "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội và nhân thân của các bị cáo; Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với cả 05 bị cáo; bị cáo C, bị cáo V áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS; các bị cáo: S, H, T áp dụng khoản 1, 3 Điều 35 BLHS; riêng bị cáo T áp dụng thêm điểm điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt các bị cáo:

Kiều Cao C từ 10 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 20 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/4/2025);

Kiều Cao V từ 10 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 20 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/4/2025);

Giao các bị cáo: C, V cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Khuất Thanh S từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng;

Nguyễn Đức H từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;

Nguyễn Văn T từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo V đã nộp số tiền 3.200.000 đồng, bị cáo S nộp số tiền 6.400.000 đồng, bị cáo H nộp số tiền 4.800.000 đồng, bị cáo T nộp số tiền 1.600.000 đồng tại Phòng thi hành án, Bộ Tổng tham mưu; đây là số tiền mà các bị cáo sẽ dùng để đánh bạc qua việc mua các quân cờ; là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm. Vì vậy, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đối với bộ bài Tú lơ khơ gồm 52 quân bài mà các bị cáo dùng để đánh bạc và 320 quân cờ tướng các bị cáo dùng để thanh toán với nhau thay tiền mặt; là công cụ, phương tiện phạm tội; vật không có giá trị. Vì vậy, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; tịch và tiêu hủy.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 các Điều 135; 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án; buộc các bị cáo: C, V, S, H, T; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo đều đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều ân hận về hành vi sai phạm của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A1, TP A2, Cơ quan điều tra hình sự khu vực, Tổng cục X2, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án và các chứng cứ trên, HĐXX thấy rằng, có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng hơn 16 giờ đến 17 giờ 45 phút ngày 12/12/2024, tại quán Bi-a (địa chỉ: Thôn 5, xã A, huyện A1, TP A2) Kiều Cao V, Khuất Thanh S, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh

bạc dưới hình thức chơi "Liêng" thắng, thua bằng tiền thông qua việc quy đổi tiền mặt ra các quân cờ tướng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 16.000.000 đồng tương ứng với 320 quân cờ tướng. Kiều Cao C là người chủ động chuẩn bị 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, 320 quân cờ tướng, đồng ý cho các đối tượng sử dụng địa điểm do mình quản lý để đánh bạc, thu hồ, phế của các đối tượng. Khi bị phát hiện, C đã thu được 08 quân cờ tướng (tương đương với số tiền quy đổi là 400.000 đồng là tiền hồ, phế) từ các bị cáo khác; hành vi của C có dấu hiệu của tội "Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc" quy định tại Điều 322 BLHS. Tuy nhiên, tổng số tiền các bị cáo khác dùng để đánh bạc tại quán của C chỉ có 16.000.000 đồng, C không tổ chức cầm cố tài sản cho các dối tượng thực hiện hành vi đánh bạc, không lắp đặt thiết bị, phân công người canh gác và không sử dụng các phương tiện khác phục vụ cho việc đánh bạc. Do đó, hành vi của các bị cáo: C, V, S, H, T đã cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Vì vậy, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ là trật tự công cộng, gây mất an toàn xã hội. Vì vậy, các bị cáo phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của mình.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều không có sự thống nhất, bàn bạc, hẹn nhau từ trước để đánh bạc. Bị cáo C là người cho sử dụng địa điểm, chuẩn bị công cụ cho các bị cáo khác đánh bạc và thu hồ, phế; bị cáo V là người khởi xướng và trực tiếp tham gia đánh bạc nên bị cáo C và bị cáo V phải cùng chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo S, bị cáo H, bị cáo T là những người trực tiếp đánh bạc và sử dụng lần lượt số tiền là 6.400.000 đồng, 4.800.000 đồng, 1.600.000 đồng để đánh bạc; nên S, H, T phải chịu trách nhiệm lần lượt sau bị cáo C và bị cáo V. HĐXX sẽ căn cứ vào Điều 17; Điều 58 BLHS để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS và hình phạt đối với bị cáo:

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cả 05 bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS: "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy chương quân kỳ quyết thắng nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS "Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác" theo điểm v Khoản 1 Điều 51 BLHS.

Sau khi bị kiểm tra hành chính, đưa về trụ sở Công an huyện A1, TP A2 để làm việc, các bị cáo đã khai nhận hành vi đánh bạc được thua bằng tiền mặt qua việc sử dụng các quân cờ tướng để tránh bị phát hiện. Các bị cáo V, S, H, T đã tự nguyện nộp lại số tiền sẽ bỏ ra để mua những quân cờ tướng dùng đánh bạc. Bị

cáo S có bố đẻ là ông Khuất Văn S1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và mẹ đẻ là bà Kiều Thị S2 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, cả bố và mẹ bị cáo đều được tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục; ông nội của bị cáo là ông Khuất Văn S4 được tặng thưởng Huy chương Chiến thắng hạng Nhất. Bị cáo H có bố đẻ là ông Nguyễn Đức H1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Bố, mẹ đẻ của bị cáo T là ông Vũ Văn T1, bà Kiều Thị T2 đều được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; ông nội của bị cáo là ông Vũ Văn T4 là liệt sỹ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; nên các bị cáo: C, V, S, H, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xem xét tính chất hành vi của bị cáo C và bị cáo V, HĐXX thấy: Bị cáo C là người cho sử dụng địa điểm, chuẩn bị công cụ cho các bị cáo khác đánh bạc và thu hồ, phế; bị cáo V là người khởi xướng và trực tiếp tham gia đánh bạc nên phải cùng chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Tuy nhiên, xem xét tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo C và bị cáo V được hưởng, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, cũng như xem xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều có con còn nhỏ. Theo Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 BLHS về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP thì các bị cáo: C, V đều đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS, cho bị cáo C, bị cáo V được hưởng án treo, buộc các bị cáo phải chịu thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; giao bị cáo C và bị cáo V cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, bị cáo C và bị cáo V bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

Đối với các bị cáo: S, H, T; HĐXX thấy: Các bị cáo đều tham gia đánh bạc do V, C rủ rê; ngoài việc các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng thì các bị cáo còn có nhiều tình tiết để được cho hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo T còn có thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm v Khoản 1 Điều 51 BLHS. Vì vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo: S, H, T theo mức như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Ngoài ra, HĐXX cũng xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều có con còn nhỏ để cân nhắc mức tiền phạt phù hợp theo quy định tại Điều 35 BLHS.

[5] Về biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo: V, S, H, T đã tự nguyện nộp tổng số tiền 16.000.000 đồng (tương ứng với số quân cờ quy đổi là 320 quân) tại phòng Thi hành án, Bộ Tổng tham mưu; trong đó: bị cáo V nộp 3.200.000 đồng (tương ứng với số quân cờ quy đổi là 64 quân), bị cáo S nộp 6.400.000 đồng (tương ứng với số quân cờ quy đổi là 128 quân), bị cáo H nộp 4.800.000 đồng (tương ứng với số quân cờ quy đổi là 96 quân), bị cáo T nộp 1.600.000 đồng (tương ứng với số quân cờ quy đổi là 32 quân); đây là số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc qua việc mua các quân cờ; là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với bộ bài Tú lơ khơ gồm 52 quân bài mà các bị cáo dùng để đánh bạc và 320 quân cờ tướng các bị cáo dùng để thanh toán với nhau thay tiền mặt; là công cụ, phương tiện phạm tội, vật không có giá trị. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; cần tịch và tiêu hủy.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 các Điều 135; 136 của BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án; buộc các bị cáo: C, V, S, H, T; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo: Kiều Cao C, Kiều Cao V, Khuất Thanh S, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T phạm tội: "Đánh bạc".

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo:

Kiều Cao C 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/4/2025).

Kiều Cao V 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/4/2025).

Giao các bị cáo: Kiều Cao C, Kiều Cao V cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A1, Thành phố A2 giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú và nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 36 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo C và bị cáo V trong thời gian thử thách của án treo.

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Khuất Thanh S, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T; bị cáo T áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo:

Khuất Thanh S 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng;

Nguyễn Đức H 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

Vũ Văn T 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng (theo các Biên lai thu tiền: Số 0003600, Số 0003599, Số 0003602, Số 0003598 ngày 21/01/2025 của Phòng thi hành án, Bộ Tổng Tham mưu).

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch và tiêu hủy đối với: 01 bộ bài Tú lơ khơ gồm 52 quân bài và 320 quân cờ tướng (theo Biên bản làm việc kiểm tra hành chính ngày 12/12/2024 của Công an huyện A1, Thành phố A2).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc các bị cáo: C, V, S, H, T; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/4/2025) các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này lên Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội./.

Nơi nhận:
- VKSQSQTĐHN;
- VKSQSKVTĐHN;
- Phòng THA/BTTM;
- CQĐTHSKV, TC X2;
- UBND xã A, A1, A2;
- Công an xã A, A1, A2;
- Cơ quan THAHS Công an TP A2;
- Tòa án QSTW (02b);
- Các bị cáo (05b);
- Lưu: HS, THA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

3// Đỗ Thanh Xuân